

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02213**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sinh thái nông nghiệp và PTBV**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201161340	Trần Thanh	Danh	29/11/2005			9	9.5				8.2		8.7
2	2256201161343	Chau Sóc	Ron	05/01/2004			8.5	9.0				8.4		8.6
3	2256201161344	Phan Thành	Long	09/12/2007			7	7.0				0.0	0.0	2.8
4	2256201161345	Trần Nhựt	Trường	12/07/2004			9	9.5				9.0		9.1
5	2256201161346	Phan Thị Kim	Tiền	06/05/2006			5	5.0				0.0	0.0	2.0
6	2256201161390	Trần Trung	Cường	05/10/2007			9	9.0				0.0	0.0	3.6
7	2256201161391	Nguyễn Thái	Dương	28/04/2004			9	9.0				8.0		8.4
8	2256201161393	Đặng Thành	Hiếu	20/08/2007			8	7.0				5.6		6.3
9	2256201161394	Huỳnh Trung	Huy	26/05/2007			8	8.0				7.4		7.6
10	2256201161395	Nguyễn Văn	Huy	11/03/2007			7	7.0				5.4		6.0
11	2256201161396	Đoàn Chấn	Khang	20/07/2007			7	7.5				6.6		6.9
12	2256201161397	Nguyễn Thanh	Ngọc	02/03/2000			9.5	9.5				8.0		8.6
13	2256201161398	Trần Thị Yên	Ngọc	11/05/2007			8	7.5				6.6		7.0
14	2256201161400	Võ Thanh	Phong	12/03/1999			9	9.0				8.8		8.9
15	2256201161401	Chau	Rích	29/12/2004			9	9.0				8.0		8.4
16	2256201161403	Trần Minh	Tính	20/07/2005			8	8.0				6.4		7.0
17	2256201161404	Nguyễn Phước	Toàn	19/10/2003			8	9.0				8.0		8.3
18	2256201161405	Hồ Minh	Triết	01/07/2007			7	9.0				6.8		7.4
19	2256201161406	Phạm Luân Bền	Vững	11/05/2006			7	8.0				7.0		7.3
20	2256201161407	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	30/08/2006			5	7.5				0.0	0.0	2.7

Châu Đốc, ngày 18 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Phương Thùy